

Số: 2855/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 22 tháng 11 năm 2021

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Văn phòng Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính Phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 506/TTr-SNN ngày 01/11/2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này 19 quy trình nội bộ giải quyết đối với 16 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lĩnh vực: Thủy lợi, Thủy sản, Chăn nuôi và Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

*(Có quy trình gửi kèm).*

**Điều 2.** Bãi bỏ 11 quy trình nội bộ đối với 11 TTHC lĩnh vực Thủy lợi, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Chăn nuôi. Trong đó: 06 quy trình nội bộ đối với 06 TTHC lĩnh vực Thủy lợi (Số thứ tự 4,6,7,8,15,16, Mục A, Phần I), 03 quy trình nội bộ đối với 03 TTHC lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông

lâm sản và Thủy sản (Số thứ tự 2,3,4, Mục B, Phần I) tại Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 02 quy trình nội bộ đối với 02 TTHC lĩnh vực Chăn nuôi (Số thứ tự 1, 3) tại Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lĩnh vực Chăn nuôi.

**Điều 3.** Giao Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này hoàn thiện quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống Thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:** *g*

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, D.50b.

**CHỦ TỊCH**



**Hoàng Quốc Khánh**



**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH SƠN LA**  
(Kèm theo Quyết định số **2835/QĐ-UBND** ngày **22/11/2021** của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

**Tổng số: 19 Quy trình**

**PHẦN 1. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC CẤP TỈNH: 13 TTHC (15 Quy trình)**

**A: QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT LIÊN THÔNG VỚI UBND TỈNH: 08 TTHC (09 Quy trình)**

**I. LĨNH VỰC THỦY LỢI: 06 TTHC (06 Quy trình)**

**1. Tên TTHC:** Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh

- a) Thời gian giải quyết** theo quy định của pháp luật: 05 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 05 ngày làm việc
  - Thời gian đã cắt giảm: 0 ngày (*Giảm 0%*)

**b) Quy trình:**

| TT | Các bước trình tự thực hiện                                           | Trách nhiệm thực hiện                               | Sản phẩm thực hiện                                                | Thời gian thực hiện |
|----|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn ( <i>scan hồ sơ</i> ) | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Kèm theo scan hồ sơ                                               | 1/8 ngày            |
| B2 | Phòng Quản lý CTTL & NSNT tiếp nhận, xử lý hồ sơ                      | Lãnh đạo phòng Quản lý CTTL & NSNT                  | Ý kiến phân công                                                  | 1/8 ngày            |
|    |                                                                       | Chuyên viên phòng Quản lý CTTL & NSNT               | Dự thảo văn bản ( <i>kèm theo Tờ trình và dự thảo Giấy phép</i> ) | 01 ngày             |
|    |                                                                       | Lãnh đạo phòng Quản lý CTTL & NSNT                  | Ý kiến xét duyệt                                                  | 1/8 ngày            |
| B3 | Xem xét trình phê duyệt                                               | Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi                           | Ý kiến trình ký duyệt                                             | 1/8 ngày            |
| B4 | Ký duyệt hồ sơ                                                        | Lãnh đạo Sở                                         | Ý kiến phê duyệt                                                  | 1/4 ngày            |

|                                   |                                                |                                                     |                                   |                |
|-----------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------|
| B5                                | Lưu sổ và bản giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC | Chuyên viên phòng Quản lý CTTL & NSNT               | Văn bản phát hành (Tờ trình)      | 1/8 ngày       |
| B6                                | Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh     | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Đính kèm HS liên thông (scan)     | 1/8 ngày       |
| B7                                |                                                | Liên thông UBND tỉnh                                |                                   | 03 ngày        |
| B8                                | Trả kết quả                                    | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Đính kèm kết quả (scan Giấy phép) | 0 ngày         |
| <b>Tổng thời gian thực hiện :</b> |                                                |                                                     |                                   | <b>05 ngày</b> |

**2. Tên TTHC: Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh**

- a) Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 05 ngày làm việc
  - Thời gian đã cắt giảm: 0 ngày (Giảm 0%)

**b) Quy trình:**

| TT | Các bước trình tự thực hiện                                  | Trách nhiệm thực hiện                               | Sản phẩm thực hiện                                       | Thời gian thực hiện |
|----|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bản giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ) | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Kèm theo scan hồ sơ                                      | 1/8 ngày            |
| B2 | Phòng Quản lý CTTL & NSNT tiếp nhận, xử lý hồ sơ             | Lãnh đạo phòng Quản lý CTTL & NSNT                  | Ý kiến phân công                                         | 1/8 ngày            |
|    |                                                              | Chuyên viên phòng Quản lý CTTL & NSNT               | Dự thảo văn bản (kèm theo Tờ trình và dự thảo Giấy phép) | 01 ngày             |
|    |                                                              | Lãnh đạo phòng Quản lý CTTL & NSNT                  | Ý kiến xét duyệt                                         | 1/8 ngày            |

|                            |                                                |                                                     |                                   |          |
|----------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------|----------|
| B3                         | Xem xét tình phê duyệt                         | Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi                           | Ý kiến trình ký duyệt             | 1/8 ngày |
| B4                         | Ký duyệt hồ sơ                                 | Lãnh đạo Sở                                         | Ý kiến phê duyệt                  | 1/4 ngày |
| B5                         | Lưu số và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC | Chuyên viên phòng Quản lý CTTL & NSNT               | Văn bản phát hành (Tờ trình)      | 1/8 ngày |
| B6                         | Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh     | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Đính kèm HS liên thông (scan)     | 1/8 ngày |
| B7                         | Liên thông UBND tỉnh                           |                                                     |                                   | 03 ngày  |
| B8                         | Trả kết quả                                    | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Đính kèm kết quả (scan Giấy phép) | 0 ngày   |
| Tổng thời gian thực hiện : |                                                |                                                     |                                   | 05 ngày  |

3. Tên TTHC: Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh

a) Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 05 ngày làm việc
- Thời gian đã cắt giảm: 05 ngày làm việc (Giảm 50%)

b) Quy trình:

| TT | Các bước trình tự thực hiện                                  | Trách nhiệm thực hiện                               | Sản phẩm thực hiện  | Thời gian thực hiện |
|----|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ) | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Kèm theo scan hồ sơ | 1/8 ngày            |

|                            |                                                  |                                                     |                                                          |          |
|----------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------|
| B2                         | Phòng Quản lý CTTL & NSNT tiếp nhận, xử lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng Quản lý CTTL & NSNT                  | Ý kiến phân công                                         | 1/8 ngày |
|                            |                                                  | Chuyên viên phòng Quản lý CTTL & NSNT               | Dự thảo văn bản (kèm theo Tờ trình và dự thảo Giấy phép) | 01 ngày  |
|                            |                                                  | Lãnh đạo phòng Quản lý CTTL & NSNT                  | Ý kiến xét duyệt                                         | 1/8 ngày |
| B3                         | Xem xét trình phê duyệt                          | Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi                           | Ý kiến trình ký duyệt                                    | 1/8 ngày |
| B4                         | Ký duyệt hồ sơ                                   | Lãnh đạo Sở                                         | Ý kiến phê duyệt                                         | 1/4 ngày |
| B5                         | Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC   | Chuyên viên phòng Quản lý CTTL & NSNT               | Văn bản phát hành (Tờ trình)                             | 1/8 ngày |
| B6                         | Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh       | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Đính kèm HS liên thông (scan)                            | 1/8 ngày |
| B7                         |                                                  | Liên thông UBND tỉnh                                |                                                          | 03 ngày  |
| B8                         | Trả kết quả                                      | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Đính kèm kết quả (scan Giấy phép)                        | 0 ngày   |
| Tổng thời gian thực hiện : |                                                  |                                                     |                                                          | 05 ngày  |

4. Tên TTHC: Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh

- a) Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 03 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 03 ngày làm việc
  - Thời gian đã cắt giảm: 0 ngày (Giảm 0%)

b) Quy trình:

| TT | Các bước trình tự thực hiện                                           | Trách nhiệm thực hiện                               | Sản phẩm thực hiện                                                | Thời gian thực hiện |
|----|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn ( <i>scan hồ sơ</i> ) | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Kèm theo scan hồ sơ                                               | 1/8 ngày            |
| B2 | Phòng Quản lý CTTL & NSNT tiếp nhận, xử lý hồ sơ                      | Lãnh đạo phòng Quản lý CTTL & NSNT                  | Ý kiến phản công                                                  | 1/8 ngày            |
|    |                                                                       | Chuyên viên phòng Quản lý CTTL & NSNT               | Dự thảo văn bản ( <i>kèm theo Tờ trình và dự thảo Giấy phép</i> ) | 01 ngày             |
|    |                                                                       | Lãnh đạo phòng Quản lý CTTL & NSNT                  | Ý kiến xét duyệt                                                  | 1/8 ngày            |
| B3 | Xem xét trình phê duyệt                                               | Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi                           | Ý kiến trình ký duyệt                                             | 1/8 ngày            |
| B4 | Ký duyệt hồ sơ                                                        | Lãnh đạo Sở                                         | Ý kiến phê duyệt                                                  | 1/4 ngày            |
| B5 | Lưu số và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC                        | Chuyên viên phòng Quản lý CTTL & NSNT               | Văn bản phát hành ( <i>Tờ trình</i> )                             | 1/8 ngày            |
| B6 | Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh                            | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Đính kèm HS liên thông ( <i>scan</i> )                            | 1/8 ngày            |
| B7 | Liên thông UBND tỉnh                                                  |                                                     |                                                                   | 01 ngày             |
| B8 | Trả kết quả                                                           | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Đính kèm kết quả ( <i>scan Giấy phép</i> )                        | 0 ngày              |
|    |                                                                       | Tổng thời gian thực hiện :                          |                                                                   | 03 ngày             |

**5. Tên TTHC:** Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh

**a) Thời gian giải quyết** theo quy định của pháp luật: 03 ngày làm việc

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 03 ngày làm việc .

- Thời gian đã cắt giảm: 0 ngày (Giảm 0%)

**b) Quy trình:**

| TT | Các bước trình tự thực hiện                                  | Trách nhiệm thực hiện                               | Sản phẩm thực hiện                                       | Thời gian thực hiện |
|----|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ) | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Kèm theo scan hồ sơ                                      | 1/8 ngày            |
| B2 | Phòng Quản lý CTTL & NSNT tiếp nhận, xử lý hồ sơ             | Lãnh đạo phòng Quản lý CTTL & NSNT                  | Ý kiến phân công                                         | 1/8 ngày            |
|    |                                                              | Chuyên viên phòng Quản lý CTTL & NSNT               | Dự thảo văn bản (kèm theo Tờ trình và dự thảo Giấy phép) | 01 ngày             |
|    |                                                              | Lãnh đạo phòng Quản lý CTTL & NSNT                  | Ý kiến xét duyệt                                         | 1/8 ngày            |
| B3 | Xem xét trình phê duyệt                                      | Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi                           | Ý kiến trình ký duyệt                                    | 1/8 ngày            |
| B4 | Ký duyệt hồ sơ                                               | Lãnh đạo Sở                                         | Ý kiến phê duyệt                                         | 1/4 ngày            |
| B5 | Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC               | Chuyên viên phòng Quản lý CTTL & NSNT               | Văn bản phát hành (Tờ trình)                             | 1/8 ngày            |
| B6 | Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh                   | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Đính kèm HS liên thông (scan)                            | 1/8 ngày            |
| B7 | Liên thông UBND tỉnh                                         |                                                     |                                                          | 01 ngày             |
| B8 | Trả kết quả                                                  | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Đính kèm kết quả (scan Giấy phép)                        | 0 ngày              |
|    |                                                              | <b>Tổng thời gian thực hiện :</b>                   |                                                          | <b>03 ngày</b>      |

6. Tên TTHC: Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh

a) Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày làm việc

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 05 ngày làm việc

- Thời gian đã cắt giảm: 0 ngày (Giảm 0%)

b) Quy trình:

| TT                         | Các bước trình tự thực hiện                                  | Trách nhiệm thực hiện                               | Sản phẩm thực hiện                                       | Thời gian thực hiện |
|----------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------|
| B1                         | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ) | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Kèm theo scan hồ sơ                                      | 1/8 ngày            |
| B2                         | Phòng Quản lý CTTL & NSNT tiếp nhận, xử lý hồ sơ             | Lãnh đạo phòng Quản lý CTTL & NSNT                  | Ý kiến phân công                                         | 1/8 ngày            |
|                            |                                                              | Chuyên viên phòng Quản lý CTTL & NSNT               | Dự thảo văn bản (kèm theo Tờ trình và dự thảo Giấy phép) | 01 ngày             |
|                            |                                                              | Lãnh đạo phòng Quản lý CTTL & NSNT                  | Ý kiến xét duyệt                                         | 1/8 ngày            |
| B3                         | Xem xét trình phê duyệt                                      | Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi                           | Ý kiến trình ký duyệt                                    | 1/8 ngày            |
| B4                         | Ký duyệt hồ sơ                                               | Lãnh đạo Sở                                         | Ý kiến phê duyệt                                         | 1/4 ngày            |
| B5                         | Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC               | Chuyên viên phòng Quản lý CTTL & NSNT               | Văn bản phát hành (Tờ trình)                             | 1/8 ngày            |
| B6                         | Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh                   | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Đính kèm HS liên thông (scan)                            | 1/8 ngày            |
| B7                         | Liên thông UBND tỉnh                                         |                                                     |                                                          | 03 ngày             |
| B8                         | Trả kết quả                                                  | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Đính kèm kết quả (scan Giấy phép)                        | 0 ngày              |
| Tổng thời gian thực hiện : |                                                              |                                                     |                                                          | 05 ngày             |

## II. LĨNH VỰC THỦY SẢN: 02 TTHC (03 Quy trình)

### 1. Tên TTHC: Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên):

#### a) Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 63 ngày làm việc

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 42 ngày làm việc
- Thời gian đã cắt giảm: 21 ngày làm việc (Giảm 33,34%)

#### b) Quy trình:

| TT | Các bước trình tự thực hiện                                                                                                                             | Trách nhiệm thực hiện                                  | Sản phẩm thực hiện                                                     | Thời gian thực hiện |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                                                                                                                             | Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PVHCC tỉnh | Kèm theo scan hồ sơ                                                    | 1/8 ngày            |
| B2 | Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản) thẩm định                                                                                 | Lãnh đạo phòng Thủy sản                                | Ý kiến phân công                                                       | 1/8 ngày            |
|    |                                                                                                                                                         | Chuyên viên phòng Thủy sản                             | Dự thảo văn bản đề nghị ban hành văn bản thông báo công khai phương án | 1/4 ngày            |
|    |                                                                                                                                                         | Lãnh đạo phòng Thủy sản                                | Ý kiến xét duyệt                                                       | 1/8 ngày            |
|    |                                                                                                                                                         | Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản          | Ý kiến trình ký duyệt                                                  | 1/8 ngày            |
| B3 | Lấy số, vào sổ, chuyển văn bản lên UBND tỉnh                                                                                                            | Lãnh đạo Sở                                            | Ý kiến phê duyệt                                                       | 1/8 ngày            |
|    |                                                                                                                                                         | Văn thư                                                | văn bản thông báo công khai Phương án                                  | 1/8 ngày            |
| B4 | UBND tỉnh xem xét ký duyệt văn bản, chuyển kết quả theo nơi nhận văn bản (UBND cấp huyện, UBND cấp xã và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý) |                                                        |                                                                        | 03 ngày             |

|     |                                             |                                                                                                                                 |  |                                                                                                                                        |          |
|-----|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| B5  | Thành lập hội đồng thẩm định                | Chuyên viên phòng Thủy sản                                                                                                      |  | Dự thảo Quyết định                                                                                                                     | 10 ngày  |
|     |                                             | Lãnh đạo phòng Thủy sản                                                                                                         |  | Ý kiến xét duyệt                                                                                                                       | 1/2 ngày |
|     |                                             | Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản                                                                                   |  | Ý kiến xét duyệt                                                                                                                       | 1/2 ngày |
| B6  | Lưu sổ và bàn giao                          | Lãnh đạo Sở                                                                                                                     |  | Ý kiến trình ký duyệt                                                                                                                  | 1/2 ngày |
|     |                                             | Chuyên viên phòng Thủy sản                                                                                                      |  | Văn bản phát hành ( <i>đính kèm KQ</i> )                                                                                               | 1/2 ngày |
| B7  | Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh  | Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh                                                                         |  | Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)                                                                                                       | 1/2 ngày |
| B8  |                                             | Liên thông UBND tỉnh                                                                                                            |  |                                                                                                                                        | 03 ngày  |
| B9  | Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần) | Hội đồng thẩm định Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần)<br>Giao cho chuyên viên phòng thủy sản tổng hợp xây dựng dự thảo |  | Thẩm định, đánh giá cơ sở, lập Biên bản đánh giá và Tờ trình đề nghị ban hành QĐ công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng | 15 ngày  |
|     |                                             | Lãnh đạo phòng Thủy sản                                                                                                         |  | Ý kiến xét duyệt                                                                                                                       | 1/2 ngày |
|     |                                             | Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản                                                                                   |  | Ý kiến trình ký duyệt                                                                                                                  | 1/2 ngày |
|     |                                             | Lãnh đạo Sở                                                                                                                     |  | Ý kiến phê duyệt                                                                                                                       | 1/2 ngày |
| B10 | Ký duyệt hồ sơ                              |                                                                                                                                 |  |                                                                                                                                        |          |
| B11 | Lưu sổ và bàn giao                          | Chuyên viên phòng thủy sản                                                                                                      |  | Văn bản phát hành ( <i>đính kèm kết quả</i> )                                                                                          | 1/2 ngày |
| B12 | Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh  | Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh                                                                         |  | Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)                                                                                                       | 1/2 ngày |
| B13 |                                             | Liên thông UBND tỉnh                                                                                                            |  |                                                                                                                                        | 05 ngày  |
| B14 | Trả kết quả                                 | Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh                                                                         |  | Đính kèm kết quả ( <i>scan Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng</i> )                                      | 0 ngày   |
|     |                                             | Tổng thời gian thực hiện:                                                                                                       |  |                                                                                                                                        | 42 ngày  |

**2. Tên TTHC:** Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)

**2.1. Trường hợp:** Thay đổi tên tổ chức cộng đồng

- a) Thời gian giải quyết** theo quy định của pháp luật: 07 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 05 ngày làm việc
  - Thời gian đã cắt giảm: 02 ngày làm việc (*Giảm 29%*)

**b) Quy trình:**

| TT                               | Các bước trình tự thực hiện                                          | Trách nhiệm thực hiện                                   | Sản phẩm thực hiện                                           | Thời gian thực hiện |
|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1                               | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                                          | Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PVHCC tỉnh  | Kèm theo scan hồ sơ                                          | 1/8 ngày            |
| B2                               | Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thẩm định nội dung, xử lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng Thủy sản                                 | Ý kiến phân công                                             | 1/8 ngày            |
|                                  |                                                                      | Chuyên viên phòng thủy sản                              | Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung                          | 01 ngày             |
|                                  |                                                                      | Lãnh đạo phòng thủy sản                                 | Ý kiến xét duyệt                                             | 1/8 ngày            |
| B3                               | Xem xét trình phê duyệt                                              | Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản           | Ý kiến trình ký duyệt                                        | 1/8 ngày            |
| B4                               | Lấy số, vào sổ, chuyển văn bản lên UBND tỉnh                         | Lãnh đạo Sở                                             | Ý kiến phê duyệt                                             | 1/8 ngày            |
| B5                               | Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh                           | Chuyên viên phòng thủy sản                              | Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung                          | 1/8 ngày            |
| B6                               |                                                                      | Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)                             | 1/4 ngày            |
|                                  |                                                                      | Liên thông UBND tỉnh                                    |                                                              | 03 ngày             |
| B7                               | Trả kết quả                                                          | Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Đính kèm kết quả ( <i>scan Quyết định sửa đổi, bổ sung</i> ) | 0 ngày              |
| <b>Tổng thời gian thực hiện:</b> |                                                                      |                                                         |                                                              | <b>05 ngày</b>      |

**2.2. Trường hợp: Sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới Khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản:**

- a) Thời gian giải quyết** theo quy định của pháp luật: 63 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 42 ngày làm việc
  - Thời gian đã cắt giảm: 21 ngày làm việc (*Giảm 33,34%*)

**b) Quy trình:**

| TT | Các bước trình tự thực hiện                                                                                                                                      | Trách nhiệm thực hiện                                  | Sản phẩm thực hiện                                                     | Thời gian thực hiện  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                                                                                                                                      | Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PVHCC tỉnh | Kèm theo scan hồ sơ                                                    | 1/8 ngày             |
| B2 | Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản) thẩm định                                                                                          | Lãnh đạo phòng Thủy sản                                | Ý kiến phân công                                                       | 1/8 ngày             |
|    |                                                                                                                                                                  | Chuyên viên phòng thủy sản                             | Dự thảo văn bản đề nghị ban hành văn bản thông báo công khai phương án | 1/4 ngày             |
|    |                                                                                                                                                                  | Lãnh đạo phòng thủy sản                                | Ý kiến xét duyệt                                                       | 1/8 ngày             |
|    |                                                                                                                                                                  | Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản          | Ý kiến trình ký duyệt                                                  | 1/8 ngày             |
| B3 | Lấy số, vào sổ, chuyển văn bản lên UBND tỉnh                                                                                                                     | Lãnh đạo Sở<br>Văn thư                                 | Ý kiến phê duyệt<br>Dự thảo văn bản thông báo công khai Phương án      | 1/8 ngày<br>1/8 ngày |
| B4 | UBND tỉnh xem xét ký duyệt văn bản, chuyển kết quả theo nơi nhận văn bản ( <i>UBND cấp huyện, UBND cấp xã và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý</i> ) |                                                        |                                                                        | 03 ngày              |
| B5 | Thành lập hội đồng thẩm định                                                                                                                                     | Chuyên viên Phòng thủy sản                             | Dự thảo Quyết định                                                     | 10 ngày              |
|    |                                                                                                                                                                  | Lãnh đạo Phòng thủy sản                                | Ý kiến xét duyệt                                                       | 1/2 ngày             |

|                                  |                                             |                                                                                                                                 |                                                                                                                                                |                |
|----------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
|                                  |                                             | Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản                                                                                   | Ý kiến xét duyệt                                                                                                                               | 1/2 ngày       |
|                                  |                                             | Lãnh đạo Sở                                                                                                                     | Ý kiến trình ký duyệt                                                                                                                          | 1/2 ngày       |
| B6                               | Lưu sổ và bàn giao                          | Chuyên viên phòng thủy sản                                                                                                      | Văn bản phát hành (đính kèm kết quả)                                                                                                           | 1/2 ngày       |
| B7                               | Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh  | Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh                                                                         | Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)                                                                                                               | 1/2 ngày       |
| B8                               |                                             | Liên thông UBND tỉnh                                                                                                            |                                                                                                                                                | 03 ngày        |
| B9                               | Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần) | Hội đồng thẩm định Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần)<br>Giao cho chuyên viên phòng thủy sản tổng hợp xây dựng dự thảo | Thẩm định, đánh giá cơ sở, lập Biên bản đánh giá và Tờ trình đề nghị ban hành Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng | 15 ngày        |
|                                  |                                             | Lãnh đạo phòng Thủy sản                                                                                                         | Ý kiến xét duyệt                                                                                                                               | 1/2 ngày       |
|                                  |                                             | Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản                                                                                   | Ý kiến trình ký duyệt                                                                                                                          | 1/2 ngày       |
| B10                              | Ký duyệt hồ sơ                              | Lãnh đạo Sở                                                                                                                     | Ý kiến phê duyệt                                                                                                                               | 1/2 ngày       |
| B11                              | Lưu sổ và bàn giao                          | Chuyên viên phòng thủy sản                                                                                                      | Văn bản phát hành (đính kèm kết quả)                                                                                                           | 1/2 ngày       |
| B12                              | Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh  | Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh                                                                         | Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)                                                                                                               | 1/2 ngày       |
| B13                              |                                             | Liên thông UBND tỉnh                                                                                                            |                                                                                                                                                | 05 ngày        |
| B14                              | Trả kết quả                                 | Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh                                                                         | Đính kèm kết quả (scan Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng)                                                       | 0 ngày         |
| <b>Tổng thời gian thực hiện:</b> |                                             |                                                                                                                                 |                                                                                                                                                | <b>42 ngày</b> |

**B: QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC THUỘC THẨM QUYỀN CỦA GIÁM ĐỐC SỐ: 05 TTHC (06 Quy trình)**

**I. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI: 02 TTHC (03 Quy trình)**

**1. Tên TTHC: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng**

**1.1. Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc:**

- a) Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 35 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 25 ngày làm việc
  - Thời gian đã cắt giảm: 10 ngày làm việc (Giảm 29 %)
- b) Quy trình:

| TT | Các bước trình tự thực hiện                                          | Trách nhiệm thực hiện                                                                                            | Sản phẩm thực hiện                                                                                          | Thời gian thực hiện      |
|----|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                                          | Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PVHCC tỉnh<br><br>Lãnh đạo phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi | Kèm theo scan hồ sơ<br><br>Ý kiến phân công                                                                 | 1/2 ngày<br><br>1/2 ngày |
| B2 | Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thẩm định nội dung, xử lý hồ sơ | Chuyên viên phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi                                                            | Dự thảo văn bản (thành lập đoàn đánh giá) hoặc văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đạt yêu cầu | 03 ngày                  |
|    |                                                                      | Lãnh đạo phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi                                                               | Xét duyệt Quyết định thành lập đoàn đánh giá                                                                | 1/2 ngày                 |
|    |                                                                      | Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản                                                                    | Trình phê duyệt Quyết định                                                                                  | 01 ngày                  |

|                           |                                                                    |                                                         |                                                         |          |
|---------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|----------|
| B3                        | Xem xét và ký duyệt                                                | Lãnh đạo Sở                                             | Phê duyệt Quyết định                                    | 01 ngày  |
| B4                        | Đánh giá cơ sở; lập Biên bản đánh giá và trình cấp Giấy chứng nhận | Chuyên viên Phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi   | Đánh giá cơ sở; Lập Biên bản đánh giá và tham mưu xử lý | 15 ngày  |
|                           |                                                                    | Lãnh đạo Phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi      | Xét duyệt, trình cấp Giấy chứng nhận                    | 1/2 ngày |
|                           |                                                                    | Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản           | Trình phê duyệt kết quả (giấy chứng nhận)               | 01 ngày  |
| B5                        | Sở Nông nghiệp & PTNT xem xét ký duyệt                             | Lãnh đạo Sở                                             | Ý kiến phê duyệt                                        | 01 ngày  |
| B6                        | Lưu sổ và bản giao                                                 | Chuyên viên phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi   | Văn bản phát hành (đính kèm kết quả)                    | 01 ngày  |
| B7                        | Trả kết quả                                                        | Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Đính kèm kết quả (scan Giấy chứng nhận)                 | 0 ngày   |
| Tổng thời gian thực hiện: |                                                                    |                                                         |                                                         | 25 ngày  |

8

**1.2. Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng:**

**a) Thời gian giải quyết** theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 10 ngày làm việc
- Thời gian đã cắt giảm: 0 ngày (Giảm 0 %)

**b) Quy trình:**

| TT                               | Các bước trình tự thực hiện                                 | Trách nhiệm thực hiện                                   | Sản phẩm thực hiện                          | Thời gian thực hiện |
|----------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|
| B1                               | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                                 | Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Kèm theo scan hồ sơ                         | 1/2 ngày            |
| B2                               | Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tiếp nhận, xử lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi      | Ý kiến phân công                            | 1/2 ngày            |
|                                  |                                                             | Chuyên viên phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi   | Dự thảo văn bản                             | 06 ngày             |
|                                  |                                                             | Lãnh đạo phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi      | Ý kiến xét duyệt                            | 1/2 ngày            |
|                                  |                                                             | Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản           | Ý kiến phê duyệt                            | 01 ngày             |
| B3                               | Sở Nông nghiệp & PTNT xem xét ký duyệt                      | Lãnh đạo Sở                                             | Ý kiến ký duyệt                             | 01 ngày             |
| B4                               | Lưu hồ sơ và bàn giao                                       | Chuyên viên phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi   | Văn bản phát hành( <i>Giấy chứng nhận</i> ) | 1/2 ngày            |
| B5                               | Trả kết quả                                                 | Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất TẤCN  | 0 ngày              |
| <b>Tổng thời gian thực hiện:</b> |                                                             |                                                         |                                             | <b>10 ngày</b>      |

## 2. Tên TTHC: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn

### a) Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 35 ngày làm việc

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 25 ngày làm việc
- Thời gian đã cắt giảm: 10 ngày làm việc (Giảm 29 %)

### b) Quy trình:

| TT | Các bước trình tự thực hiện                                          | Trách nhiệm thực hiện                                  | Sản phẩm thực hiện                                                                                          | Thời gian thực hiện |
|----|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                                          | Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PVHCC tỉnh | Kèm theo scan hồ sơ                                                                                         | 1/2 ngày            |
| B2 | Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thẩm định nội dung, xử lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi     | Ý kiến phân công                                                                                            | 1/2 ngày            |
|    |                                                                      | Chuyên viên phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi  | Dự thảo văn bản (thành lập đoàn đánh giá) hoặc văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đạt yêu cầu | 03 ngày             |
|    |                                                                      | Lãnh đạo phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi     | Xét duyệt Quyết định thành lập đoàn đánh giá                                                                | 1/2 ngày            |
|    |                                                                      | Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản          | Trình phê duyệt Quyết định                                                                                  | 01 ngày             |
| B3 | Xem xét và ký duyệt                                                  | Lãnh đạo Sở                                            | Phê duyệt Quyết định                                                                                        | 01 ngày             |
| B4 | Đánh giá cơ sở; lập Biên bản đánh giá và trình cấp Giấy chứng nhận   | Chuyên viên Phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi  | Đánh giá cơ sở; Lập Biên bản đánh giá và tham mưu xử lý                                                     | 15 ngày             |
|    |                                                                      | Lãnh đạo Phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi     | Xét duyệt, trình cấp Giấy chứng nhận                                                                        | 1/2 ngày            |
|    |                                                                      | Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản          | Trình phê duyệt kết quả (giấy chứng nhận)                                                                   | 01 ngày             |

|                           |                                        |                                                         |                                                  |         |
|---------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
| B5                        | Sở Nông nghiệp & PTNT xem xét ký duyệt | Lãnh đạo Sở                                             | Ý kiến phê duyệt                                 | 01 ngày |
| B6                        | Lưu sổ và bàn giao                     | Chuyên viên phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi   | Văn bản phát hành ( <i>đính kèm kết quả</i> )    | 01 ngày |
| B7                        | Trả kết quả                            | Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Đính kèm kết quả ( <i>scan Giấy chứng nhận</i> ) | 0 ngày  |
| Tổng thời gian thực hiện: |                                        |                                                         |                                                  | 25 ngày |

## II. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN: 03 TTHC (03 Quy trình)

**1. Tên TTHC: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản**

**a) Thời gian giải quyết** theo quy định của pháp luật: 15 ngày làm việc

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 10 ngày làm việc

- Thời gian đã cắt giảm: 05 ngày làm việc (Giảm 33%)

**b) Quy trình:**

| TT | Các bước trình tự thực hiện       | Trách nhiệm thực hiện                                    | Sản phẩm thực hiện                                                                                | Thời gian thực hiện |
|----|-----------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ       | Bộ phận TN&TKQ của Sở NN& PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Kèm theo scan hồ sơ                                                                               | 1/4 ngày            |
| B2 | Phòng QLCL tiếp nhận, xử lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng QLCL                                      | Ý kiến phân công                                                                                  | 1/2 ngày            |
|    |                                   | Chuyên viên phòng QLCL                                   | Dự thảo văn bản (Dự thảo Thông báo lịch thẩm định)                                                | 01 ngày             |
|    |                                   | Lãnh đạo phòng QLCL                                      | Ý kiến xét duyệt thông báo thẩm định                                                              | 1/2 ngày            |
| B3 | Ký duyệt                          | Lãnh đạo Sở                                              | Ký phê duyệt Thông báo                                                                            | 1/2 ngày            |
| B4 | Thẩm định cơ sở                   | Chuyên viên phòng QLCL                                   | Thông báo lịch thẩm định, Thẩm định cơ sở; Thông báo kết quả thẩm định và dự thảo Giấy chứng nhận | 06 ngày             |
| B5 | Ký duyệt                          | Lãnh đạo phòng QLCL                                      | Ý kiến xét duyệt                                                                                  | 1/2 ngày            |
|    |                                   | Lãnh đạo Sở                                              | Ký duyệt Giấy chứng nhận                                                                          | 1/2 ngày            |

|                           |                    |                                                          |                                         |          |
|---------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------|
| B6                        | Lưu sổ và bàn giao | Chuyên viên phòng QLCL                                   | Văn bản phát hành (Giấy chứng nhận)     | 1/4 ngày |
| B7                        | Trả kết quả        | Bộ phận TN&TKQ của Sở NN& PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Đính kèm kết quả (scan Giấy chứng nhận) | 0 ngày   |
| Tổng thời gian thực hiện: |                    |                                                          |                                         | 10 ngày  |

**2. Tên TTHC: Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)**

- a) Thời gian giải quyết** theo quy định của pháp luật: 15 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 10 ngày làm việc
  - Thời gian đã cắt giảm: 05 ngày làm việc (Giảm 33%)
- b) Quy trình:**

| TT | Các bước trình tự thực hiện       | Trách nhiệm thực hiện                                    | Sản phẩm thực hiện                                                      | Thời gian thực hiện |
|----|-----------------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ       | Bộ phận TN&TKQ của Sở NN& PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Kèm theo scan hồ sơ                                                     | 1/2 ngày            |
| B2 | Phòng QLCL tiếp nhận, xử lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng QLCL                                      | Ý kiến phân công                                                        | 1/2 ngày            |
|    |                                   | Chuyên viên phòng QLCL                                   | Thẩm định cơ sở; Thông báo kết quả thẩm định và dự thảo Giấy chứng nhận | 07 ngày             |
|    |                                   | Lãnh đạo phòng QLCL                                      | Ý kiến xét duyệt                                                        | 1/2 ngày            |
| B3 | Ký duyệt                          | Lãnh đạo Sở                                              | Ký duyệt Giấy chứng nhận                                                | 01 ngày             |

|                           |                    |                                                          |                                         |          |
|---------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------|
| B4                        | Lưu sổ và bàn giao | Chuyên viên phòng QLCL                                   | Văn bản phát hành (Giấy chứng nhận)     | 1/2 ngày |
| B5                        | Trả kết quả        | Bộ phận TN&TKQ của Sở NN& PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Đính kèm kết quả (scan Giấy chứng nhận) | 0 ngày   |
| Tổng thời gian thực hiện: |                    |                                                          |                                         | 10 ngày  |

**3. Tên TTHC: Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)**

a) Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày làm việc

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 04 ngày làm việc

- Thời gian đã cắt giảm: 01 ngày làm việc (Giảm 20%)

**b) Quy trình:**

| TT | Các bước trình tự thực hiện       | Trách nhiệm thực hiện                                    | Sản phẩm thực hiện                                 | Thời gian thực hiện |
|----|-----------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ       | Bộ phận TN&TKQ của Sở NN& PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Kèm theo scan hồ sơ                                | 1/4 ngày            |
| B2 | Phòng QLCL tiếp nhận, xử lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng QLCL                                      | Ý kiến phân công                                   | 1/4 ngày            |
|    |                                   | Chuyên viên phòng QLCL                                   | Dự thảo văn bản (Dự thảo Thông báo lịch thẩm định) | 1/4 ngày            |
|    |                                   | Lãnh đạo phòng QLCL                                      | Ý kiến xét duyệt thông báo thẩm định               | 1/4 ngày            |
| B3 | Ký duyệt                          | Lãnh đạo Sở                                              | Ký phê duyệt Thông báo                             | 1/4 ngày            |

|                           |                    |                                                             |                                                                                                            |          |
|---------------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| B4                        | Thẩm định cơ sở    | Chuyên viên phòng QLCL                                      | Thông báo lịch thẩm định,<br>Thẩm định cơ sở; Thông báo<br>kết quả thẩm định và dự thảo<br>Giấy chứng nhận | 02 ngày  |
|                           |                    | Lãnh đạo phòng QLCL                                         | Ý kiến xét duyệt                                                                                           | 1/4 ngày |
| B5                        | Ký duyệt           | Lãnh đạo Sở                                                 | Ký duyệt Giấy chứng nhận                                                                                   | 1/4 ngày |
| B6                        | Lưu sổ và bàn giao | Chuyên viên phòng QLCL                                      | Văn bản phát hành ( <i>Giấy<br/>chứng nhận</i> )                                                           | 1/4 ngày |
| B7                        | Trả kết quả        | Bộ phận TN&TKQ của Sở NN& PTNT<br>tại Trung tâm PV HCC tỉnh | Đính kèm kết quả ( <i>scan Giấy<br/>chứng nhận</i> )                                                       | 0 ngày   |
| Tổng thời gian thực hiện: |                    |                                                             |                                                                                                            | 04 ngày  |

**PHẦN 2: QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC CẤP HUYỆN LĨNH VỰC THỦY SẢN: 03 TTHC (04 Quy trình)**

**1. Tên TTHC: Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý):**

**a) Thời gian giải quyết** theo quy định của pháp luật: 63 ngày làm việc

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 42 ngày làm việc
- Thời gian đã cắt giảm: 21 ngày làm việc (Giảm 33% )

**b) Quy trình:**

| TT | Các bước trình tự thực hiện                                                                                                              | Trách nhiệm thực hiện                                 | Sản phẩm thực hiện                                                     | Thời gian thực hiện |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                                                                                                              | Bộ phận TN&TKQ UBND huyện, thành phố                  | Kèm theo scan hồ sơ                                                    | 1/8 ngày            |
| B2 | Phòng NN&PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế TP tiếp nhận và xử lý hồ sơ                                                                       | Lãnh đạo phòng NN&PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế TP    | Ý kiến phân công                                                       | 1/8 ngày            |
|    |                                                                                                                                          | Chuyên viên phòng NN&PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế TP | Dự thảo văn bản đề nghị ban hành văn bản thông báo công khai phương án | 1/2 ngày            |
|    |                                                                                                                                          | Lãnh đạo phòng NN&PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế TP    | Ý kiến trình ký duyệt                                                  | 1/8 ngày            |
| B3 | Ký duyệt                                                                                                                                 | Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND                       | Ý kiến ký duyệt                                                        | 01 ngày             |
| B4 | Lấy số, vào sổ, phát hành văn bản                                                                                                        | Văn thư                                               | văn bản thông báo công khai Phương án                                  | 1/8 ngày            |
| B5 | UBND huyện xem xét ký duyệt văn bản, chuyển kết quả theo nơi nhận văn bản (UBND cấp xã và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý) |                                                       |                                                                        | 02 ngày             |

|                           |                                                                                  |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                         |
|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| B6                        | Thành lập hội đồng thẩm định                                                     | Chuyên viên phòng NN&PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế TP                                                                                                         | Dự thảo Quyết định                                                                                                                                         | 10 ngày                 |
|                           |                                                                                  | Lãnh đạo phòng NN&PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế TP                                                                                                            | Ý kiến trình ký duyệt                                                                                                                                      | 01 ngày                 |
| B7                        | Ký duyệt                                                                         | Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND                                                                                                                               | Ý kiến ký duyệt                                                                                                                                            | 02 ngày                 |
| B8                        | Lấy số, vào sổ, phát hành văn bản                                                | Văn thư                                                                                                                                                       | Văn bản phát hành( <i>Quyết định thành lập HĐTD</i> )                                                                                                      | 1/2 ngày                |
| B9                        | Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực<br>Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực<br>tế (nếu cần) | Hội đồng thẩm định Thẩm định hồ<br>sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần)<br>Giao cho chuyên viên phòng Nông<br>nghiệp, phòng kinh tế TP tổng hợp<br>xây dựng dự thảo | Thẩm định, đánh giá cơ sở, lập<br>Biên bản đánh giá và Tờ trình đề<br>nghị ban hành Quyết định công<br>nhận và giao quyền quản lý cho tổ<br>chức cộng đồng | 15 ngày                 |
| B10                       | Xem xét và phê duyệt                                                             | Lãnh đạo phòng NN&PTNT huyện<br>hoặc phòng Kinh tế TP                                                                                                         | Ý kiến trình ký duyệt                                                                                                                                      | 01 ngày                 |
| B11                       | Lấy số, vào sổ, bàn giao hồ sơ ra<br>Bộ phận TN&TKQ                              | Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND<br><br>Văn thư                                                                                                                | Ý kiến ký duyệt<br><br>Văn bản phát hành ( <i>Quyết định<br/>công nhận và giao quyền quản lý<br/>cho tổ chức cộng đồng</i> )                               | 02 ngày<br><br>1/2 ngày |
| B12                       | Trả kết quả                                                                      | Bộ phận TN&TKQ UBND huyện,<br>TP                                                                                                                              | Đính kèm kết quả ( <i>scan Quyết<br/>định</i> )                                                                                                            | 0 ngày                  |
| Tổng thời gian thực hiện: |                                                                                  |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            | 42 ngày                 |

**2. Tên TTHC: Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)**

**2.1. Trường hợp: Thay đổi tên tổ chức cộng đồng**

- a) **Thời gian giải quyết** theo quy định của pháp luật: 07 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 05 ngày làm việc
  - Thời gian đã cắt giảm: 02 ngày làm việc (*Giảm 29%*)

**b) Quy trình:**

| TT                               | Các bước trình tự thực hiện                                        | Trách nhiệm thực hiện                                 | Sản phẩm thực hiện                                       | Thời gian thực hiện |
|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------|
| B1                               | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                                        | Bộ phận TN&TKQ UBND huyện, TP                         | Kèm theo scan hồ sơ                                      | 1/2 ngày            |
| B2                               | Phòng NN&PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế TP tiếp nhận và xử lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng NN&PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế TP    | Ý kiến phân công                                         | 01 ngày             |
|                                  |                                                                    | Chuyên viên phòng NN&PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế TP | Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung                      | 02 ngày             |
|                                  |                                                                    | Lãnh đạo phòng NN&PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế TP    | Ý kiến trình phê duyệt                                   |                     |
| B3                               | Xem xét và phê duyệt                                               | Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND                       | Ý kiến phê duyệt                                         | 01 ngày             |
| B4                               | Lưu sổ và bàn giao ra Bộ phận TN&TKQ                               | Văn thư                                               | Văn bản phát hành ( <i>Quyết định sửa đổi, bổ sung</i> ) | 1/2 ngày            |
| B5                               | Trả kết quả                                                        | Bộ phận TN&TKQ UBND huyện, thành phố                  | Đính kèm kết quả ( <i>scan Quyết định</i> )              | 0 ngày              |
| <b>Tổng thời gian thực hiện:</b> |                                                                    |                                                       |                                                          | <b>05 ngày</b>      |

**2.2. Trường hợp: Sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản:**

- a) Thời gian giải quyết** theo quy định của pháp luật: 63 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 42 ngày làm việc
  - Thời gian đã cắt giảm: 21 ngày làm việc (*Giảm 33,34%*)

**b) Quy trình:**

| TT | Các bước trình tự thực hiện                                        | Trách nhiệm thực hiện                                 | Sản phẩm thực hiện                                                     | Thời gian thực hiện |
|----|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                                        | Bộ phận TN&TKQ UBND huyện, thành phố                  | Kèm theo scan hồ sơ                                                    | 1/8 ngày            |
| B2 | Phòng NN&PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế TP tiếp nhận và xử lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng NN&PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế TP    | Ý kiến phân công                                                       | 1/8 ngày            |
|    |                                                                    | Chuyên viên phòng NN&PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế TP | Dự thảo văn bản đề nghị ban hành văn bản thông báo công khai phương án | 1/2 ngày            |
|    |                                                                    | Lãnh đạo phòng NN&PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế TP    | Ý kiến trình ký duyệt                                                  | 1/8 ngày            |
| B3 | Ký duyệt                                                           | Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND                       | Ý kiến ký duyệt                                                        | 01 ngày             |
| B4 | Lấy số, vào sổ, phát hành văn bản                                  | Văn thư                                               | văn bản thông báo công khai Phương án                                  | 1/8 ngày            |

|                           |                                                                                                                                          |                                                                                    |                                                                                                                                                |          |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| B5                        | UBND huyện xem xét ký duyệt văn bản, chuyển kết quả theo nơi nhận văn bản (UBND cấp xã và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý) |                                                                                    |                                                                                                                                                | 02 ngày  |
| B6                        | Thành lập hội đồng thẩm định                                                                                                             | Chuyên viên phòng NN&PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế TP                              | Dự thảo Quyết định                                                                                                                             | 10 ngày  |
| B7                        |                                                                                                                                          | Lãnh đạo phòng NN&PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế TP                                 | Ý kiến trình ký duyệt                                                                                                                          | 01 ngày  |
| B8                        | Ký duyệt                                                                                                                                 | Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND                                                    | Ý kiến ký duyệt                                                                                                                                | 02 ngày  |
| B9                        | Lấy số, vào sổ, phát hành văn bản                                                                                                        | Văn thư                                                                            | Văn bản phát hành (Quyết định thành lập HĐĐTĐ)                                                                                                 | 1/2 ngày |
| B9                        | Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần)                                                                                             | Hội đồng thẩm định Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần)                     | Thẩm định, đánh giá cơ sở, lập Biên bản đánh giá và Tờ trình đề nghị ban hành Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng | 15 ngày  |
|                           |                                                                                                                                          | Giao cho chuyên viên phòng Nông nghiệp, phòng kinh tế TP tổng hợp xây dựng dự thảo |                                                                                                                                                |          |
| B10                       | Xem xét và phê duyệt                                                                                                                     | Lãnh đạo phòng NN&PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế TP                                 | Ý kiến trình ký duyệt                                                                                                                          | 01 ngày  |
| B11                       | Lấy số, vào sổ, bàn giao hồ sơ ra Bộ phận TN&TKQ                                                                                         | Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND                                                    | Ý kiến ký duyệt                                                                                                                                | 02 ngày  |
| B12                       | Trả kết quả                                                                                                                              | Văn thư                                                                            | Văn bản phát hành (Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng)                                                           | 1/2 ngày |
| Tổng thời gian thực hiện: |                                                                                                                                          |                                                                                    | Đính kèm kết quả (scan Quyết định)                                                                                                             | 0 ngày   |
|                           |                                                                                                                                          |                                                                                    |                                                                                                                                                | 42 ngày  |

3. Tên TTHC: Công bố mở cổng cá loại 3

- a) Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 08 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 06 ngày làm việc
  - Thời gian đã cắt giảm: 02 ngày làm việc (Giảm 25%)

b) Quy trình:

| TT                        | Các bước trình tự thực hiện                                        | Trách nhiệm thực hiện                                 | Sản phẩm thực hiện                              | Thời gian thực hiện |
|---------------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------|
| B1                        | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                                        | Bộ phận TN&TKQ UBND huyện, TP                         | Kèm theo scan hồ sơ                             | 1/2 ngày            |
| B2                        | Phòng NN&PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế TP tiếp nhận và xử lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng NN&PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế TP    | Ý kiến phân công                                | 1/2 ngày            |
|                           |                                                                    | Chuyên viên phòng NN&PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế TP | Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung             | 03 ngày             |
|                           |                                                                    | Lãnh đạo phòng NN&PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế TP    | Ý kiến trình phê duyệt                          | 1/2 ngày            |
| B3                        | Xem xét và phê duyệt                                               | Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND                       | Ý kiến phê duyệt                                | 01 ngày             |
| B4                        | Lưu sổ và bàn giao ra Bộ phận TN&TKQ                               | Văn thư                                               | Văn bản phát hành (Quyết định sửa đổi, bổ sung) | 1/2 ngày            |
| B5                        | Trả kết quả                                                        | Bộ phận TN&TKQ UBND huyện, thành phố                  | Đính kèm kết quả (scan Quyết định)              | 0 ngày              |
| Tổng thời gian thực hiện: |                                                                    |                                                       |                                                 | 06 ngày             |

